TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUY HÒA** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2024/HS-ST
Ngày: 09-05-2024

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Lê Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Khắc Hiếu;

Ông Lương Công Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Phụng Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương Trầm – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 05 năm 2024, tại điểm cầu trung tâm tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên và điểm cầu thành phần tại Nhà tạm giữ Công an thành phố T, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm trực tuyến công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 42/2024/TLST-HS ngày 02 tháng 04 năm 2024; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2024/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 4 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Lê Đức T, tên gọi khác: Trí Heo; sinh ngày 01/8/1976 tại Phú Yên; Nơi cư trú: 4 N, phường D, thành phố T, tỉnh Phú Yên; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Quốc T1, sinh năm: 1941 và bà Lê Thị T2 (chết); có vợ là Đặng Thị T3, sinh năm: 1975 và 02 con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 23/8/1994, bị Công an thị xã T khởi tố bị can về tội "Hiếp dâm"; ngày 26/10/1994, Công an thị xã T ra quyết định đình chỉ điều tra do bị hại có đơn bãi nại. Ngày 06/3/2014, bị Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm 06 tháng về tội Trộm cắp tài sản. Ngày 10/11/2019, bị Công an thành phố T xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng công cụ hỗ trợ mà không có giấy phép. Ngày 09/3/2020, bị Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành xong bản án ngày 07/12/2020. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/01/2024. Có mặt.

2. Trần Tấn L, tên gọi khác: Không; sinh ngày: 13/9/1998 tại Phú Yên; Nơi cư trú: Tổ D, 109/2 khu phố C, Phường E, thành phố T, tỉnh Phú Yên; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn

giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Quang V, sinh năm: 1976 và bà Nguyễn Thị T4, sinh năm: 1976; vợ con: chưa có; Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không. Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

- *Bị hại:* Công ty TNHH T7; Địa chỉ: KPM H, đường N, Phường I, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện theo pháp luật của bị hại: Ông Võ Ngọc Q, sinh năm: 1988 – Giám đốc; Địa chỉ: B N, Phường D, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1/ Bà Nguyễn Thị T4, sinh năm: 1976; Địa chỉ: 1 C, Phường E, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

2/ Ông Lê Chí H, sinh năm: 1969; Địa chỉ: khu phố T, thị trấn L, hyện Đ, Phú Yên. Có mặt.

- *Người làm chứng:*

1/ Ông Đinh Mạnh H1, sinh năm: 1992; Địa chỉ: thôn L, xã B, thành phố T, Phú Yên. Vắng mặt.

2/ Ông Lê Xuân T5, sinh năm: 1986; Địa chỉ: khu phố D, phường P, thành phố T, Phú Yên. Vắng mặt.

3/ Ông Nguyễn Thanh B, sinh năm: 1988; Địa chỉ: C N, Phường E, thành phố T, Phú Yên. Vắng mặt.

4/ Ông Trần Văn P, sinh năm: 1988; Địa chỉ: thị trấn P, huyện T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ, ngày 20/01/2024 Lê Đức T nảy sinh ý định trộm cắp bình ắc quy nên T lấy cờ lê, kiềm bỏ vào túi quần đi đến ngã tư L – Nguyễn Công T6 gặp Trần Tấn L; lúc này L điều khiển xe mô tô biển số 78K1-044.17 chở T đi trên các tuyến đường trên địa bàn thành phố T để tìm xe ô tô tải lấy trộm bình ắc quy. Đến khoảng 03 giờ ngày 21/01/2024, T phát hiện thấy nhiều xe ô tô tải, xe cẩu, xe múc trong bãi xe của Công ty TNHH T7 tại Phường I, thành phố T không có người trông coi; T nói L dừng xe đứng đợi, T đi bộ vào bãi xe dùng cờ lê mở ốc vít cố định trên bình ắc quy của xe ô tô tải biển số 78C-052.35 nhưng không được. T ra đưa kiềm cho L cất giữ rồi lấy cờ lê số 12 trong cốp xe mô tô biển số 78K1-044.17 quay lại tiếp tục mở ốc vít lấy 02 bình ắc quy nhãn hiệu Đồng Nai N50 và N70 của xe tải biểm số 78C-052.35. Sau đó, T gọi L vào cùng chở 02 bình ắc quy nói trên đi đến đường N - T thì bị phát hiện, bắt giữ.

Tại kết luận định giá tài sản số 04/KL-HDĐGTS ngày 23/01/2024 của Hội đồng định giá tài sản thành phố T kết luận: 02 bình ắc quy Đồng Nai N70 và N50 có tổng giá trị là 2.235.000 đồng.

Vật chứng, tài sản thu giữ: 01 điện thoại di động cảm ứng hiệu S (không rõ loại) màu vàng đồng, màn hình bị vỡ; 01 kiềm bấm diện (24,5x6x1,3)cm; 03 cờ lê 02 đầu 12-12, 13-13, 14-14; 01 cây sắt tròn, dài 91cm diện 1,8cm; 01 chìa khóa xe honda; 01 con dao cán nhựa màu vàng, có kích thước (21,5x2x1)cm, lưỡi dài 12cm; 01 cục sạc dự phòng màu đen, có kích thước (8x8x2,5)cm; 01 kiềm cán nhựa màu đỏ có kích thước (16,5x5,3x1,5)cm; 01 xe mô tô biển số 78K1-044.17.

Tại Bản cáo trạng số 46/CT-VKSTH ngày 01/04/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên đã truy tố các bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

* *Tại phiên tòa*:

- Các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố và xin giảm nhẹ hình phạt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Chí H trình bày: Xe mô tô biển số 78K1-044.17 đứng tên ông, ông đã bán lại cho người khác nhưng chưa sang tên; nay ông không có yêu cầu gì đối với xe này.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T4 trình bày: Xe mô tô biển số 78K1-044.17 bà mua lại của người khác, bị cáo L con bà dùng xe làm phương tiện đi trộm cắp tài sản bà không biết nên bà xin được nhận lại xe để phục vụ sinh hoạt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa luận tội giữ nguyên quyết định truy tố. Sau khi phân tích hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo phạm tội "Trộm cắp tài sản". Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo T từ 09 tháng đến 12 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 21/01/2024. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo L từ 06 tháng đến 09 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. Về dân sự: Không xem xét. Về xử lý vật chứng: đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Trả lại cho bị cáo L 01 cục sạc dự phòng màu đen, có kích thước (8x8x2,5)cm. Tịch thu, tiêu hủy: 01 điện thoại di động cảm ứng hiệu S (không rõ loại) màu vàng đồng, màn hình bị vỡ; 01 kiềm bấm diện (24,5x6x1,3)cm; 03 cờ lê 02 đầu 12-12, 13-13, 14-14; 01 cây sắt tròn, dài 91cm diện 1,8cm; 01 con dao cán nhựa màu vàng, có kích thước (21,5x2x1)cm, lưỡi dài 12cm; 01 kiềm cán nhựa màu đỏ có kích thước (16,5x5,3x1,5)cm. Trả lại cho bà T4 01 xe mô tô biển số 78K1-044.17 và 01 chìa khóa xe honda.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 03 giờ ngày 21/01/2024, tại khu vực Phường I, thành phố T, tỉnh Phú Yên, Lê Đức T và Trần Tấn L đã có hành vi lén lút lấy trộm 02 bình ắc quy nhãn hiệu Đồng Nai N70 và N50 trên xe ôtô tải biển số 78C-052.35 của Công ty TNHH T7, với tổng trị giá là 2.235.000 đồng nên hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện; lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu khi tài sản không có người trông coi, quản lý để thực hiện hành vi phạm tội của mình. Do đó, cần áp dụng mức hình phạt nghiêm đối với bị cáo mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Xét tính chất, vai trò tham gia của các bị cáo: Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo T là người thực hành tích cực, chuẩn bị công cụ và trực tiếp lấy trộm tài sản; bị cáo L tham gia với vai trò giúp sức, mặc dù không bàn bạc trước với bị cáo T nhưng tiếp nhận ý chí và biết rõ hành vi phạm tội của T nhưng vẫn giúp T lấy bình ắc quy đặt lên xe mô tô và điều khiển xe mô tô chở T tẩu thoát. Tính chất tham gia và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo T là cao hơn bị cáo L nên mức hình phạt của bị cáo T cũng cao hơn bị cáo L.

[5] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi bị phát hiện các bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; các bị cáo phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo L phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo từng có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự tại đơn vị F377, tỉnh Khánh Hòa vào năm 2017 nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo

không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Xét bị cáo T là người có nhân thân xấu, từng nhiều lần bị xét xử về hành vi trộm cắp tài sản nhưng không chịu rèn luyện, tu dưỡng mà tiếp tục phạm tội; do đó, cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo T ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Xét bị cáo L có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự và 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; bị cáo lần đầu phạm tội, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, bị cáo có khả năng tự cải tạo tại địa phương dưới sự giám sát, quản lý của chính quyền địa phương nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội trong một thời gian như đề nghị của Kiểm sát viên, mà áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự cho bị cáo L được hưởng án treo, cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu gì thêm nên không xét.

[7] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 điện thoại di động cảm ứng hiệu S (không rõ loại) màu vàng đồng, màn hình bị vỡ; thu giữ của bị cáo T, không liên quan đến việc phạm tội nhưng không còn giá trị sử dụng, bị cáo T không có yêu cầu nhận lại nên tịch thu, tiêu hủy.

Đối với 01 cục sạc dự phòng màu đen, có kích thước (8x8x2,5)cm thu giữ của bị cáo L, không liên quan đến việc phạm tội, còn giá trị sử dụng nên trả lại cho bị cáo L.

Đối với: 01 kiềm bấm diện (24,5x6x1,3)cm; 03 cờ lê 02 đầu 12-12, 13-13, 14-14; 01 cây sắt tròn, dài 91cm diện 1,8cm; 01 con dao cán nhựa màu vàng, có kích thước (21,5x2x1)cm, lưỡi dài 12cm; 01 kiềm cán nhựa màu đỏ có kích thước (16,5x5,3x1,5)cm, là công cụ phạm tội hoặc vật không còn giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy.

Đối với 01 xe mô tô biển số 78K1-044.17 và 01 chìa khóa xe honda là xe của bà Nguyễn Thị T4 mua lại nhưng chưa sang tên theo quy định pháp luật. Chủ sở hữu xe đứng tên ông Lê Chí H xác nhận đã bán xe này cho người khác và không có tranh chấp về quyền sở hữu đối với xe mô tô này. Tại phiên tòa, bà T4 xin được nhận lại xe; xét bị cáo L dùng xe làm phương tiện đi trộm cắp tài sản nhưng bà T4 không biết nên căn cứ điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự trả lại xe và chìa khóa xe cho bà T4.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: các bị cáo Lê Đức T, Trần Tấn L phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Đức T 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 21/01/2024.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trần Tấn L 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 09/5/2024).

Giao bị cáo Trần Tấn L cho Ủy ban nhân dân Phường E, thành phố T, tỉnh Phú Yên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân Phường E, thành phố T, tỉnh Phú Yên trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo Trần Tấn L thay đổi nơi cư trú thì việc giám sát, giáo dục bị cáo được thực hiện theo khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Tịch thu, tiêu hủy: 01 điện thoại di động cảm ứng hiệu S (không rõ loại) màu vàng đồng, màn hình bị vỡ; 01 kiềm bấm diện (24,5x6x1,3)cm; 03 cờ lê 02 đầu 12-12, 13-13, 14-14; 01 cây sắt tròn, dài 91cm diện 1,8cm; 01 con dao cán nhựa màu vàng, có kích thước (21,5x2x1)cm, lưỡi dài 12cm; 01 kiềm cán nhựa màu đỏ có kích thước (16,5x5,3x1,5)cm.

Trả lại cho bị cáo Trần Tấn L 01 cục sạc dự phòng màu đen, có kích thước (8x8x2,5)cm.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị T4 01 xe mô tô biển số 78K1-044.17 và 01 chìa khóa xe honda.

(Các vật chứng đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa, có đặc điểm như Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 03/4/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa).

- Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, các bị cáo Lê Đức T và Trần Tấn L mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Yên;
- Sở Tư pháp tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- VKSND thành phố Tuy Hòa;
- Công an thành phố Tuy Hòa;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Lê Mai

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Công Hạnh **Huỳnh Khắc Hiếu** **Trần Lê Mai**